

Số: 54/2021/QĐST- DS

*Đông Anh, ngày 11 tháng 3 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Biên hoà giải thành ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 320/2020/TLST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

1. **Nguyên đơn:** Bà Cao Thị X, sinh năm 1964; cư trú tại Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà X: LS Nguyễn Văn Đ – Văn phòng luật sư T, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. **Bị đơn:** Anh Cao Tiến Đ, sinh năm 1986; cư trú tại Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Cao Thị H, sinh năm 1956; Số 7, ngách 1/378 đường Lê Duẩn, phường Phương Liên, Đống Đa, Hà Nội;

3.2. Bà Cao Thị H1, sinh năm 1958; cư trú tại thôn V, xã N, huyện Đ, Hà Nội;

3.3. Chị Cao Thị C, sinh năm 1984; cư trú tại: Thôn Đ, xã N, huyện Đ, Hà Nội;

3.4. Chị Bùi Thanh Nga, sinh năm 1983; cư trú tại Xóm T, xã U, huyện Đ, Hà Nội;

3.5. Chị Đỗ Minh A, sinh năm 1999; cư trú tại Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội;

3.6. Chị Đàm thị Huyền A1, sinh năm 1991; cư trú tại Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội (là vợ anh Đ)

3.7. Bà Cao Thị H3, sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội. (hiện đã mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 175/2020/QĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội)

## **II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### **\* Về quan hệ huyết thống:**

Cụ Cao Hữu L, sinh năm 1927, chết ngày 30/01/2012 và cụ Vương Thị C, sinh năm 1929, chết ngày 19/04/2012. Ông Cao Hữu L và bà Vương Thị C có 05 người con, lần lượt là:

1/ Bà Cao Thị H, sinh năm: 1956; Hiện ở: số 7 ngách 1/378 đường L, phường P, quận Đ1, thành phố Hà Nội

2/ Bà Cao Thị H1, sinh năm: 1958; HKTT: Thôn V, xã N, huyện Đ, thành phố Hà Nội.

3/ Ông Cao Văn H4, sinh năm: 1960 (đã chết năm 2014). Ông H4 có vợ bà Cao Bích T, sinh năm 1963 (chết năm 2017). Ông H4, bà T có 02 người con chung là: Cao Thị C, sinh năm 1984 ở Thôn Đ, xã N, huyện Đ, Hà Nội và Cao Tiến Đ, sinh năm 1986 hiện ở trên đất tranh chấp tại Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội

4/ Bà Cao Thị X, Sinh năm: 1964 hiện ở trên đất tranh chấp tại Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội. Bà X có 02 con tên là Bùi Thanh N, sinh năm 1983 hiện ở Xóm T, xã U, huyện Đ, Hà Nội và Đỗ Minh A, sinh năm 1999 hiện ở trên đất tranh chấp cùng bà X tại Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội

5/ Bà Cao Thị H3, sinh năm: 1969; nơi cư trú: Thôn M, xã M, huyện Đ, Hà Nội. Bà H3 không có chồng con và hiện đã mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 175/2020/QĐ-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Hà Nội.

Cụ L, cụ C không có con chung, con riêng nào khác. Cụ L, cụ C chết không để lại di chúc.

\* Về thời hiệu: Cụ Cao Hữu L, sinh năm 1927, chết ngày 30/01/2012 và cụ Vương Thị C, sinh năm 1929, chết ngày 19/04/2012 vẫn còn thời hiệu chia thừa kế.

\* Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của cụ L cụ C gồm: 1/Bà Cao Thị H, sinh năm: 1956; 2/ Bà Cao Thị H1, sinh năm: 1958; 3/ Ông Cao Văn H4, sinh năm: 1960 (đã chết năm 2014). Ông H4 có vợ bà Cao Bích T, sinh năm 1963 (chết năm 2017). Ông H4, bà T có 02 người con chung là: Cao Thị C, sinh năm 1984 và Cao Tiến Đ, sinh năm 1986 người kế thừa của ông H4, bà T là chị C và anh Đ; 4/ Bà Cao Thị X, sinh năm: 1964; 5/ Bà Cao Thị H3, sinh năm: 1969.

\* Về di sản thừa kế: Các đương sự xác định thửa đất số 13, tờ bản đồ số 34 tại Thôn M, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội có diện tích thửa đất 458m<sup>2</sup> (do thực tế là 460.8 m<sup>2</sup> đã được Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 019795 ngày 30/12/2000 mang tên hộ gia đình cụ Cao Hữu L (HK 488096) là di sản của cụ L, cụ C để lại trị giá 460.8m<sup>2</sup>x22.000.000đ=10.137.600.000đ

Nay các đương sự thống nhất như sau:

- Chia di sản thừa kế của cụ L, cụ C làm 6 phần gồm: 05 người con của cụ L, cụ C là bà X, bà Hà, bà H, bà H3, ông H4 và trích công sức của ông H4 bằng một kỷ phần thừa kế mỗi kỷ phần được hưởng là  $10.137.600.000\text{đ}/6=1.689.600.000\text{đ}$  tương đương  $76.6\text{m}^2$ .

- Ghi nhận sự tự nguyện của Bà H, bà H1, anh Đ, chị C, bà X giao kỷ phần thừa kế của bà H3 được hưởng cho anh Đ quản lý.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà H để cho bà X được hưởng một phần kỷ phần thừa kế của bà là  $60\text{m}^2$  và anh Đ được hưởng một phần kỷ phần thừa kế của bà  $16.6\text{m}^2$  trong kỷ phần bà được hưởng.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà H1 để kỷ phần thừa kế của bà H1 được hưởng cho anh Đ.

- Ghi nhận sự tự nguyện của chị C xác định không yêu cầu hưởng thừa kế của ông H4 mà tự nguyện để anh Đ hưởng cả.

Các tài sản trên phần đất của ai thì người đó có quyền sở hữu.

Các bên thống nhất giao cụ thể bằng hiện vật cho các bên như sau:

- Giao cho bà Cao Thị X toàn quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích đất  $136.6\text{m}^2$  trị giá  $3.005.200.000\text{đ}$  và sở hữu các tài sản trên đất gồm: 01 nhà 2 tầng, 01 nhà trọ cấp 4, sân gạch đỏ, 02 cổng sắt, 02 trụ cổng, tường bao.

- Giao cho anh Đ có toàn quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích là  $247.6\text{m}^2$  trị giá  $5.447.200.000\text{đ}$  và sở hữu các công trình: 01 nhà 03 tầng, 01 khu phụ lợp tôn, sân gạch đỏ, mái vẩy, 01 dãy nhà trọ cấp 4, tường bao, cổng.

- Giao cho anh Đ quản lý phần diện tích đất của bà Hằng được hưởng là  $76.6\text{m}^2$  trị giá  $1.689.600.000\text{đ}$  trên đất có 01 dãy nhà trọ cấp 4 do anh Đ xây dựng.

*Ranh giới cụ thể có sơ đồ kèm theo quyết định.*

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được hưởng theo quy định của pháp luật.

Khi các bên phá dỡ phần tài sản mình được hưởng phải đảm bảo an toàn đến kết cấu công trình của ngôi nhà theo quy định của pháp luật.

**\* Án phí dân sự sơ thẩm:**

- Bà X phải chịu  $92.100.000\text{đ}$  nhưng do các bên thỏa thuận được với nhau nên phải chịu  $\frac{1}{2}=46.050.000\text{đ}$  nhưng bà X được trừ vào số tiền  $6.250.000\text{đ}$  tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0008602 ngày 08/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Bà X tiếp tục phải nộp số tiền  $39.800.000\text{đ}$  để sung Ngân sách Nhà nước.

- Anh Đ phải chịu  $113.447.200$  đồng nhưng do các bên thỏa thuận được với nhau nên anh Đ phải chịu  $\frac{1}{2}=56.723.600$  đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

- Bà Hằng phải chịu  $62.670.000$  đồng. Do các bên thỏa thuận được với nhau nên chỉ phải chịu  $\frac{1}{2}=31.335.000$  đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

**III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.**

**Nơi nhân:**

- VKSND H. Đông Anh;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tp Hà Nội ;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

**THẨM PHÁN**

**Thịnh Quang Thắng**